UBND THỊ XÃ HOÀ THÀNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 349/PGDĐT
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Hoà Thành, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường mầm non, mẫu giáo thuộc UBND thị xã Hoà Thành
- Chủ nhóm lớp mầm non độc lập.

Thực hiện Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh;

Thực hiện Công văn số 3246/SGDĐT-GDMN ngày 5 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024;

Phòng Giáo dục và Đào thị xã Hoà Thành hướng dẫn các cơ sở GDMN triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lí nhà nước về Giáo dục mầm non (GDMN); chú trọng đổi mới công tác quản lí, quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, năng lực tự chủ, thực hiện tốt dân chủ cơ sở; tăng cường quản lí, hỗ trợ nâng cao chất lượng GDMN ở khu công nghiệp (KCN) và nhóm, lớp mầm non độc lập tư thục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong công tác quản lí và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non gắn với công tác rà soát sắp xếp, quy hoạch; tăng cường các giải pháp huy động trẻ nhà trẻ và mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường, lớp mầm non; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (PCGDMNTNT).

3. Đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình để đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em.

4. Đảm đảm các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN: về số lượng giáo viên, bố trí bảo đảm tối thiểu 02 GV/ lớp; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lí (CBQL) và giáo viên mầm non (GVMN), bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.

5. Thực hiện Chủ đề năm học "Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm" gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025".

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lí giáo dục

1.1. Triển khai kịp thời, hiệu quả các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN

Thực hiện nghiêm túc và triển khai các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo về GDMN. Thực hiện đúng quy định, hiệu quả các chính sách phát triển GDMN ([1]). Chỉ đạo các cơ sở GDMN thực hiện đúng, đủ các quy định của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; thực hiện Công văn số 2893/HD-SGDĐT về việc Hướng dẫn tổ chức, triển khai, thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 01/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo hướng dẫn của Sở GDĐT. Thông báo, tạo điều kiện cho giáo viên mầm non thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo giai đoạn 2021 -2025 trên thị xã theo Quyết định số 2698/QĐ- UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN; ưu tiên, lồng ghép các nguồn lực các Chương trình ([2]), tham mưu với UBND thị xã, Sở GDĐT bổ sung trang thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học, tài liệu học liệu nâng chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN mới; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, chuẩn bị các điều kiện hướng đến phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo (PCGDMNTEMG) ở những nơi có điều kiện; phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi tại phường Long Hoa.

1.2. Đổi mới công tác quản lý

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ, dân chủ, công khai gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình. tăng cường đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non theo Điều lệ trường mầm non.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công tác quản lý, tổ chức các hoạt động trong cơ sở GDMN; đúng, đủ hồ sơ, sổ sách trong cơ sở GDMN theo quy định ([3]).

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN

---

[1] Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.
[2] Chính sách phát triển GDMN: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; Quyết 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 phê duyệt Đề án "Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025".
[3] Công văn 3535/SGDĐT-GDMN ngày 20/10/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong cơ sở GDMN.

- Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát của các cấp quản lý giáo dục đối với cơ sở GDMN theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ và xây dựng tạo động lực làm việc hăng say cho GVMN, tránh hình thức gây áp lực cho GVMN khi góp ý đánh giá.

- Tăng cường hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nội dung theo quy định đối với cơ sở GDMN ngoài công lập, trong đó, chú trọng kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của các cơ sở GDMN độc lập trên địa bàn, có biện pháp kịp thời đối với các cơ sở GDMN chưa đảm bảo theo quy định: kiên quyết đình chỉ các lớp MN độc lập không đảm bảo các điều kiện theo quy định; xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, phường, các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc quản lý giáo dục mầm non, đặc biệt là các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm về quản lý các lớp mầm non (MN) độc lập (Lớp MN độc lập Măng Non)

2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

2.1. Chủ động tham mưu chính quyền địa phương quan tâm ưu tiên dành đất cho cơ sở giáo dục mầm non, duy trì các lớp ở các điểm lẻ (trường Mẫu giáo (MG) Thỏ Ngọc, MN Ban Mai, MG Nắng Xuân, MN Ánh Sao, MG Hoạ Mi, đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp; sĩ số trẻ em/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định.

2.2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW; Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 và các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các phương án sắp xếp phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô phát triển; không sáp nhập các trường mầm non vào các trường phổ thông; đảm bảo quyền lợi đến trường của trẻ em; đảm bảo mỗi xã, phường có ít nhất một trường mầm non công lập.

2.3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho GDMN

- Ưu tiên tham mưu các cấp lãnh đạo đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm điều kiện thực hiện Chương trình GDMN; đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành, huy động nguồn lực để mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu để thực hiện Chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại.

2.4. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị rà soát các minh chứng thực hiện đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDMN; tham mưu, có kế hoạch, phối hợp các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới và bảo đảm các tiêu chí duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GDĐT. Tăng số trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, phấn đấu trong năm học tăng 2 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: trường MN Thái Dương và MG Nắng Xuân; quan tâm đầu tư cho các trường mầm non đã đạt chuẩn hiện đang xuống cấp không đảm bảo điều kiện duy trì kết quả và nâng cao chất

lượng trường đạt chuẩn (MG 19/5 và MN Sao Mai)

3. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2030

3.1. Thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định, công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi bảo đảm quy trình, hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Các xã, phường tiếp tục củng cố, duy trì tăng tỷ lệ ra lớp trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi, duy trì tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Phấn đấu tỷ lệ huy động trẻ bình quân toàn thị xã: nhà trẻ đạt 48,8% trở lên, mẫu giáo đạt 87,8% trở lên, duy trì tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,7%.

3.2. Triển khai thực hiện Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh banh hành Kế hoach thực hiện đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh" phù hợp với định hướng phát triển GDMN và điều kiện của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng PCGDMNTNT.

3.3. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác phối hợp với địa phương trong công tác điều tra phổ cập. Xử lí, cập nhật số liệu theo phần mềm PCGD-XMC bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng thời gian quy định; tăng cường ứng dụng CNTT trong lưu trữ hồ sơ phổ cập.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

4.1. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 đến CSGDMN sẵn sàng chủ động, linh hoạt nếu xảy ra tình hình thiên tai, dịch bệnh.

- Thực hiện nghiêm túc quy định([4]) về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích và phòng, chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ, quan tâm giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra và xử lí nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lí theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức và cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

4.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

4.2.1. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khoẻ và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; phối hợp với ngành Y tế địa phương thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khoẻ, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong các cơ sở GDMN.

---

[4] Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Nghị định 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

- Thực hiện nghiêm túc công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN ([5]): phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) trong các cơ sở GDMN theo quy định; số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN; không thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn cho trẻ em tại các cơ sở GDMN. Tăng cường công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và ATTP, kịp thời chấn chỉnh, xử lí những sai phạm trong công tác nuôi dưỡng cho trẻ tại các cơ sở GDMN.

- Các CSGDMN cần đẩy mạnh giáo dục trẻ kĩ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ, tự bảo vệ chăm sóc sức khoẻ; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khoẻ, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Quan tâm đến khu vực ăn, cách tổ chức bữa ăn cho trẻ.

4.2.2. Đổi mới hoạt động giáo dục

- Tập trung các giải pháp thực hiện Chủ đề "Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm" phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và chủ động, linh hoạt, sáng tạo gắn kết các tiêu chí của Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025" trong thực hiện Chủ đề.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở GDMN nâng cao năng lực phát triển Chương trình GDMN nhà trường trên cơ sở Chương trình do Bộ GDĐT ban hành nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (6); phát huy tính chủ động của cơ sở GDMN trong liên kết với các cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân và gia đình của trẻ em để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định của pháp luật (7).

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện và phát triển Chương trình GDMN ở các trường khó khăn, đặc biệt quan tâm hỗ trợ chuyên môn cho các lớp MN độc lập.

- Có giải pháp bảo đảm chất lượng giáo dục công bằng, hoà nhập, các cơ sở GDMN tiếp tục triển khai thực hiện giáo dục hòa nhập có chất lượng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Nâng cao hơn nữa việc truyền thông về giáo dục trẻ khuyết tật, bảo đảm chính sách cho trẻ khuyết tật và cơ sở GDMN có trẻ khuyết tật học hoà nhập và tạo điều kiện cho giáo viên trong thị xã đến trường MG 19/5 can thiệp trẻ khuyết tật khi có nhu cầu tại phòng hỗ trợ hoà nhập.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình phối hợp giữa nhà trường với gia đình, đoàn thể, tổ chức xã hội; tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị

---

[5] Công văn số 354/SGDĐT-GDMN ngày 16/02/2023 của Sở GDĐT về việc phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ tại cơ sở GDMN.

[6] Quy định tại Phần Bốn - Hướng dẫn thực hiện Chương trình trong Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành

[7] Điều 6. Tổ chức hoạt động giáo dục tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp Một phổ thông; đẩy mạnh giáo dục kĩ năng sống, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong các cơ sở giáo dục mầm non.

- Chỉ đạo các CSGDMN tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của đội ngũ CBQL, GVMN về tầm quan trọng, ý thức bảo vệ quyền của trẻ em; tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác và của trẻ em, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em trong các cơ sở GDMN bằng nhiều hình thức như: tập huấn, sinh hoạt trong các cuộc họp, tuyên truyền phát thanh, bảng thông tin của trường,… (8).

- Quản lý, đảm bảo chất lượng triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có điều kiện theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Sở GDĐT đã ban hành.

- Tích cực tham gia các phong trào, hội thi của ngành tổ chức.

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Triển khai thực hiện hiệu quả nội dung Kế hoạch số 1875/KH-SGDĐT ngày 25/5/2023 của Sở GDĐT ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN; quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên làm việc tại cơ sở GDMN ngoài công lập.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ CBQL, GV theo quy định. Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo GVMN trong việc bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ GV, CBQL ở các cơ sở GDMN.

- Căn cứ các quy định hiện hành có các giải pháp phù hợp, kịp thời để bảo đảm về số lượng, bố trí bảo đảm tối thiểu 02 giáo viên/lớp, bảo đảm đạt chuẩn về trình độ đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình GDMN. Chủ động đổi mới phương pháp giáo dục trẻ em, linh hoạt thực hiện các hoạt động giáo dục, điều chỉnh phù hợp, đáp ứng được các nhu cầu, khả năng khác nhau của trẻ em và điều kiện thực tiễn của trường, lớp.

---

[8] Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Đưa nội dung giáo dục Quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân"; Kế hoạch số 668/KH-BGDĐT ngày 25/5/2023 của Bộ GDĐT Triển khai nhiệm vụ Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về thực hiện nội dung giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non.

- Đổi mới hoạt động sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực đội ngũ về phát triển chương trình giáo dục của nhà trường, chia sẻ, hỗ trợ giữa CBQL-GV và giữa GV-GV trong xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lớp và văn hoá địa phương (thực hiện điểm tại đơn vị MN Hương Sen)

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục triển khai rộng rãi về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025 (9).

- Tranh thủ các nguồn đầu tư, tài trợ từ các tổ chức quốc tế, thực hiện hiệu quả phối hợp với đoàn thể, tổ chức xã hội để hợp tác, liên kết hỗ trợ công nghệ, kiến thức quản lý, chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV, áp dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam và từng địa phương để phát triển Chương trình đối với các cơ sở GDMN.

- Tăng cường công tác quản lý, rà soát, đánh giá, hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở GDMN thực hiện liên kết, hợp tác đầu tư với nước ngoài, thực hiện Chương trình tích hợp theo quy định (nếu có) (10). Hướng dẫn các cơ sở GDMN nghiên cứu, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình trong cơ sở GDMN, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở GDMN.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025" ([11]), cụ thể:

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở GDMN, phương thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; khai thác hiệu quả môi trường số trở thành thiết yếu trong tổ chức các hoạt động giáo dục đối với cơ sở GDMN.

- Huy động các nguồn lực tham gia để tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở GDMN; tạo điều kiện hỗ trợ GV trong việc tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, trang bị thiết bị số sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

---

[9] Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025.

[10] Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/ 06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

[11] Kế hoạch số 2139/KH-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Phát triển kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung trong cấp học GDMN; tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả kênh Youtube "GDMN TÂY NINH" phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, phát triển kĩ năng số cho đội ngũ CBQL, GV, nhân viên bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; nâng cao năng lực đội ngũ ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em, trong đó đặc biệt lưu ý công tác bồi dưỡng năng lực số hoá tài liệu, học liệu và nội dung giáo dục, khả năng chủ động tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn online của giáo viên; đổi mới hoạt động sinh hoạt chuyên môn về việc sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý nhóm, lớp.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non

- Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, cơ sở GDMN; tăng cường truyền thông, tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN.

- Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN; đa dạng các kênh truyền thông, lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Truyền thông về việc đổi mới Chương trình GDMN, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa cơ sở GDMN với gia đình, tổ chức xã hội ngoài cơ sở GDMN để nâng cao chất lượng GDMN của đơn vị.

- Thực hiện nghiệm túc công văn 826/SGDĐT-GDMN ngày 4/5/2017 của Sở GDĐT về việc thu thập bài, hình ảnh về GDMN phục vụ công tác truyền thông (MN Hoa Nắng, MN Mai Vàng)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở các nhiệm vụ nêu trên, căn cứ yêu cầu, điều kiện và tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị, các đơn vị tham mưu chính quyền, xây dựng và triển kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023-2024 phù hợp, hiệu quả. Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định (có Phụ lục Báo cáo kèm theo Công văn này).

Nơi nhận:
- UBND thị xã (để báo cáo);
- Như trên (để thực hiện);
- Lưu: VP, GDMN.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Huỳnh Thị Thanh Phương

Phụ lục 1
LỊCH CÔNG TÁC TRỌNG TÂM GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo công văn 349/PGDĐT ngày 11/9/2023 của Phòng GDĐT)

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Thực hiện	Phối hợp
1	Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL và GVMN, "Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong các cơ sở GDMN" Kiểm tra công tác quản lý của Hiệu trưởng: MG Hoạ Mi, MN Mai Vàng, MN Tuổi Ngọc	Tháng 9/2023	Phòng GDĐT	CBQL, GVMN cốt cán
2	Kiểm tra công tác quản lý và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các trường mầm non, mẫu giáo	Tháng 10/2023	Đoàn kiểm tra	
3	Tập huấn Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, năm học 2023-2024"; tham quan mô hình điểm tại MN Hương Sen, Sơn Ca	Tháng 10/2023	Đội ngũ GVMN, CBQL cốt cán MN Hương Sen MN Sơn Ca	MN Hương Sen MN Sơn Ca
4	Kiểm tra chuyên đề làm quen tiếng Anh, năng khiếu và các hoạt động kỹ năng sống, hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ trong các cơ sở GDMN	Tháng 10/2023	Đoàn kiểm tra	
5	Tập huấn ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trong thực hiện Chương trình GDMN. Kiểm tra công tác quản lý và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các trường mầm non, mẫu giáo.	Tháng 11/2023	Phòng GDĐT	CBQL, GVMN cốt cán
	Tổ chức hội giảng vòng thị và tổng kết hội thi	Tháng 11, 12/2023	Ban tổ chức và các thành viên BGK	

			Hội thi	
6	Hội thảo "Nâng cao chất lượng quản lý, tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập"	Tháng 12/2023	Phòng GDĐT	Các nhóm lớp độc lập
7	Kiểm tra các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN độc lập và thực hiện chế độ chính sách theo quy định ([12])	Tháng 12/2023	Đoàn kiểm tra	Các UBND xã/ phường
8	Tập huấn "Hướng dẫn bộ tiêu chí đánh giá Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm"	Tháng 12/2023	Phòng GDĐT	
9	Tham gia Hội giảng cấp tỉnh đối với GDMN Kiểm tra công tác quản lý và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các trường mầm non, mẫu giáo	Tháng 01/2024		
10	Tổ chức Hội thi "Sử dụng hiệu quả môi trường giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non" cấp huyện năm học 2023-2024	Tháng 2/2024	Ban tổ chức và các thành viên BGK Hội thi	

[12] Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 01/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

11	Tham gia Hội thi "Sử dụng hiệu quả môi trường giáo dục theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non" cấp tỉnh năm học 2023-2024	Tháng 3/2024		
12	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện "Bộ tiêu chí đánh giá Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm"	Tháng 4/2024	Đoàn kiểm tra	Các phòng GDĐT huyện, thị xã, thành phố
13	Tổ chức Hội thảo 03 năm thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, giai đoạn 2021-2025"	Tháng 5/2024		

Phụ lục 2

LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo công văn 349/PGDĐT ngày 11/9 /2023 của Phòng GDĐT)

TT	Kỳ báo cáo	Thời gian nộp	Báo cáo cần nộp	Hình thức báo cáo
1	Báo cáo đầu năm học	Chậm nhất ngày 13/10/2023	1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2023-2024 (Phụ lục 3). 2. Biểu thống kê giáo dục mầm non kỳ đầu năm học (EMIS) 3. Cập nhật thông tin theo mẫu PL2	Các đơn vị báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo qua: 1. Bản có ký tên và đóng dấu thủ trưởng đơn vị 2. Bản mềm qua thư điện tử: hothanhnhitayninh@gmail.com
2	Báo cáo tổng kết năm học	Chậm nhất ngày 25/4/2024	1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo văn bản Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với GDMN. 2. Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học (EMIS) và Biểu thống kê mẫu Excel (Phụ lục 4). 3. Các báo cáo chuyên đề, làm quen tiếng Anh theo văn bản đã hướng dẫn.	

Phụ lục 3

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON
ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo công văn 349/PGDĐT ngày 11/9/2023 của Phòng GDĐT)

1. Các văn bản trọng tâm đã triển khai

2. Quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất

** **Lưu ý**:*

Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis đầu năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.

Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.

3. Kinh phí

Đơn vị báo cáo kết quả đầu tư về kinh phí để đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2023-2024.

4. Khó khăn, vướng mắc

5. Kiến nghị, đề xuất

Phụ lục 4

UBND HUYỆN/TX/TP ….
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2023-2024

(kèm theo Công văn số 349/PGDĐT, ngày 11/9/2023 của Phòng GDĐT)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
I	**Cơ sở giáo dục mầm non**		
1.1	**Trường**	**trường**	**0**
	Nhà trẻ	trường	
	Trường mẫu giáo	trường	
	Trường mầm non	trường	
	Trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN)	trường	
	Trường đạt chuẩn quốc gia	trường	0
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	trường	
	Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	trường	
	Số trường đạt chuẩn quốc gia công nhận mới trong năm học 2023-2024	trường	
	Số trường hoàn thành công tác tự đánh giá trong năm học 2023-2024	trường	
	Số trường đăng ký đánh giá ngoài trong năm học 2023-2024	trường	
	Số trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục	trường	
	Số trường thực hiện Chương trình tích hợp	trường	
	Số trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	trường	
	Số trường được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	trường	
	Số trường công lập (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) ở địa bàn (cấp huyện) có KCN	trường	
	Số trường dân lập, tư thục (bao gồm: nhà trẻ, trường MG, Trường MN) ở địa bàn (cấp huyện) có KCN	trường	
	Tổng số điểm trường (bao gồm cả điểm chính và điểm lẻ)	điểm	
	Số điểm trường lẻ	điểm	
1.2	**Cơ sở GDMN độc lập (nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập)**		
	Tổng số	cơ sở	0

	Cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép	cơ sở	
	Cơ sở GDMN độc lập (đang hoạt động) chưa cấp phép	cơ sở	
	Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ	cơ sở	
	Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ	cơ sở	
	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	
	Lớp mầm non độc lập	cơ sở	
	Cơ sở GDMN độc lập có số tổng số trẻ vượt quá quy định	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập thực hiện Chương trình tích hợp	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGD ĐT	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn (cấp huyện) có KCN	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục được hỗ trợ cơ sở vật chất (Quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)	cơ sở	
II.	**Tổng số nhóm, lớp**	nhóm, lớp	**0**
	Tổng số nhóm, lớp công lập	nhóm, lớp	
2.1.	**Tổng số nhóm, lớp trong trường**	nhóm, lớp	0
	Nhóm trẻ	nhóm	
	Lớp mẫu giáo	lớp	
2.2.	**Tổng số nhóm, lớp bên trong nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập**	**nhóm, lớp**	**0**
	Số nhóm trẻ	nhóm	
	Số Nhóm trẻ ghép	nhóm	
	Số lớp mẫu giáo	lớp	
	Số lớp mẫu giáo ghép	lớp	
	Số lớp mầm non ghép	lớp	
III.	**Thống kê về trẻ em**		
3.1	**Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi**	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ đến cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm trường và cơ sở GDMN độc lập)	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ được học 2buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0

	Trẻ em nhà trẻ công lập	trẻ	
3.1.1	**Trẻ em nhà trẻ trong nhà trường**	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.1.2	**Trẻ em nhà trẻ trong cơ sở GDMN độc lập**	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.2	**Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi**		
	Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	0
	Trẻ em mẫu giáo công lập	trẻ	
3.2.1.	**Trẻ em mẫu giáo trong trường**	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.2.2.	**Trẻ em mẫu giáo trong cơ sở GDMN độc lập**	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	trẻ	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	trẻ	
3.3	**Thống kê về trẻ em 5 - 6 tuổi**		
	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	0

	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	0
	Trẻ em 5 - 6 tuổi công lập	trẻ	
3.3.1	**Trẻ em 5 - 6 tuổi trong trường**	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	
3.3.2	**Trẻ em 5 - 6 tuổi trong cơ sở GDMN độc lập**	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2buổi/ngày	trẻ	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	trẻ	
3.4	**Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng**	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	0
	Trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	0
3.4.1	**Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường**	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong trường	trẻ	
3.4.2	**Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập**	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập	trẻ	
3.5	**Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng**	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	trẻ	0
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	trẻ	0
	Trẻ thừa cân, béo phì	trẻ	0
3.5.1	**Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong trường**	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong trường	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong trường	trẻ	
3.5.2	**Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trong CSGDMN độc lập**	trẻ	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi trong CSGDMN độc lập	trẻ	
	Trẻ thừa cân, béo phì trong CSGDMN độc lập	trẻ	
3.5.3	**Trẻ em được hưởng chính sách**		

	Trẻ em mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa (Quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP)	trẻ	
	Trẻ em mầm non được hưởng chính sách trợ cấp đối với con công nhân KCN (Quy định tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh)	trẻ	
IV.	**Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**	người	**0**
	Tổng số cán bộ quản lý	người	
	Số cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Số cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	
	Tổng số giáo viên	người	**0**
	Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	**0**
	Số giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	**0**
	Tổng số nhân viên	người	
	Tổng số cán bộ quản lý trong biên chế	người	
	Tổng số giáo viên trong biên chế	người	
	Tổng số cán bộ quản lý công lập	người	
	Tổng số giáo viên công lập	người	
	Tổng số nhân viên công lập	người	
	Tổng số giáo viên dân lập, tư thục được hưởng chính sách KCN (Quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và áp dụng theo Nghị quyết HĐND tỉnh)	người	
4.1	**Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong trường**	người	**0**
4.1.1	**Cán bộ quản lý**	người	**0**
a	Hiệu trưởng	người	0
	Hiệu trưởng nhà trẻ	người	
	Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	
b	Phó Hiệu trưởng	người	0
	Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	
	Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	
4.1.2	**Giáo viên**	người	**0**
a	Tổng số giáo viên nhà trẻ	người	
	Số giáo viên nhà trẻ đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Số giáo viên nhà trẻ có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	

b	Giáo viên mẫu giáo	người	
	Số giáo viên mẫu giáo đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Số giáo viên mẫu giáo có trình độ đào tạo trên chuẩn	người	
4.1.3	**Nhân viên**	người	**0**
a	Nhân viên nhà trẻ	người	
b	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	
4.2	**Tổng số nhân sự trong các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập**	người	**0**
4.2.1	**Chủ cơ sở**	người	**0**
a	Trung học phổ thông trở lên	người	
b	Dưới trung học phổ thông	người	
4.2.2	**Quản lý chuyên môn**	người	**0**
a	Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên	người	
b	Dưới cao đẳng sư phạm mầm non	người	
4.2.3	**Giáo viên**	người	**0**
a	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	
b	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	
c	Trung cấp sư phạm mầm non	người	
d	Dưới trung cấp	người	
4.2.4	**Nhân viên**	người	**0**
a	Có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
b	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
4.2.5	**Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**	người	**0**
a	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	
b	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	
c	Trung cấp sư phạm mầm non	người	
d	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non	người	
e	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
V.	**Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em**	phòng	**0**
	Phòng kiên cố	phòng	0
	Phòng bán kiên cố	phòng	0
	Phòng tạm	phòng	0
	Phòng nhờ, mượn	phòng	
	Tổng số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu vệ sinh khép kín	phòng	0

	Tổng số phòng công lập (bao gồm phòng kiên cố, bán kiên cố, tạm)	phòng	
5.1	**Phòng kiên cố trong trường**	phòng	
	Phòng bán kiên cố trong trường	phòng	
	Phòng học tạm trong trường	phòng	
	Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu về sinh khép kín	phòng	
5.2	**Phòng kiên cố trong CSGDMN độc lập**	phòng	
	Phòng bán kiên cố trong CSGDMN độc lập	phòng	
	Phòng tạm trong CSGDMN độc lập	phòng	
	Số phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em có khu về sinh khép kín	phòng	
5.3	**Tổng số phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật**	**phòng**	**0**
	Tổng số phòng đa năng	phòng	
	Tổng số phòng giáo dục thể chất	phòng	
	Tổng số phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	
5.4	**Khối phòng tổ chức ăn**		**0**
	Tổng số nhà bếp	nhà bếp	
	Tổng số kho bếp	kho bếp	
5.5	**Tổng số trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên**	trường	
	Tổng số điểm trường có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	điểm	
5.6	**Tổng số trường có sân chơi**	trường	
	Số trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	trường	
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	
	Số điểm trường có sân chơi riêng (lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định)	điểm	
	Tổng số điểm trường có sân chơi	điểm	
	Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định	trường	
	Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	nhóm,lớp	
VI.	**Cơ sở vật chất trong CSGDMN độc lập**		
6.1	Có vị trí đặt cơ sở theo quy định	cơ sở	
6.2	Có hạng mục công trình theo quy định	cơ sở	
6.3	Có phòng NDCSGD trẻ em theo quy định	cơ sở	
6.4	Có phòng vệ sinh cho trẻ em theo quy định	cơ sở	
6.5	Có chỗ chơi hoặc sân chơi cho trẻ em theo quy định	cơ sở	

6.6	Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định	cơ sở	
6.7	Có chấn song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định	cơ sở	
6.8	Có nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định	cơ sở	
6.9	Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định	cơ sở	
VII.	**Tổng số đơn vị cấp xã**	xã	
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNT5T	xã	
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNT5T	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện có KCN	huyện	

Lưu ý: Chỉ nhập số liệu vào ô trống, những ô đã có số "0" thì không nhập số (vì đã đặt hàm), không tự ý thêm bớt dòng, cột.

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

6.6	Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định	cơ sở	
6.7	Có chấn song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định	cơ sở	
6.8	Có nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định	cơ sở	
6.9	Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định	cơ sở	
VII.	**Tổng số đơn vị cấp xã**	xã	
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNT5T	xã	
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNT5T	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện có KCN	huyện	

Lưu ý: Chỉ nhập số liệu vào ô trống, những ô đã có số "0" thì không nhập số (vì đã đặt hàm), không tự ý thêm bớt dòng, cột.

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)